

Bản án số: 369/2023/DS-PT

Ngày:

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NTMH

Các Thẩm phán: Ông ĐVN

Bà LTBT

- Thư ký phiên tòa: Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà ĐTCC- Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 362/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà TTD, sinh năm 1984.

Địa chỉ: GX, xã H, huyện VH, tỉnh L

1.2. Bà HTKX, sinh năm 1966.

Địa chỉ: TN, xã H, huyện V, tỉnh L

1.3. Ông BVT, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H huyện V, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của ông BVT: Bà NTĐ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp GX, xã HD huyện VH, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2022).

1.4. Bà HTĐ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: TN, xã KH, huyện VH, tỉnh LA.

1.5. Bà NTĐ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp GX, xã HD8 A, huyện V, tỉnh L

1.6. Ông NTT, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp TN, xã KH, huyện VH, tỉnh L

1.7. Bà TTĐ8, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp TN, xã HD A, huyện VH, tỉnh L

1.8. Bà HTP, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp D xã H A, huyện V, tỉnh L

1.9. Bà PTL, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp GX, xã H A, huyện V, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của bà PTL: Bà HTP, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp GX, xã HD A, huyện VH, tỉnh LA. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà TTR, sinh năm 1977.

Địa chỉ: T, xã H A, huyện V, tỉnh L

Địa chỉ liên hệ: Số 25, đường GS 1, khu phố Tây B, phường ĐH thành phố D tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà TTR: Luật sư TTT - Đoàn Luật sư Thành phố H.

2.2. Ông NVT, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Tà Nu, xã HD A, huyện VH, tỉnh LA

Địa chỉ hiện nay: Ấp 5, xã PĐ, huyện CĐ, tỉnh LA

- Người kháng cáo: Bà TTR và ông NVT

(Các đương sự có mặt; Bà Diễm, bà Đèo vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Các ông bà là thành viên tham gia hội do bà TTR làm chủ thảo, các dây hội hoạt động bình thường cho đến tháng 02/2021 thì bà Rớt ngưng khai hội hứa hẹn sẽ trả lại vốn các thành viên đã đóng nhưng đến ngày 19/3/2021 âm lịch (al) bà Rớt bỏ địa phương đi mà không trả số tiền hội đã đóng cho các thành viên. Nên các ông bà khởi kiện yêu cầu bà TTR cùng chồng NVT liên đới trả tiền hội đã đóng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày bà Rớt bỏ địa phương đi cho đến nay (tính tròn 14 tháng), với nội dung cụ thể như sau:

1. Bà TTD trình bày: Bà tham gia 03 dây hội, cụ thể:

- Dây hội tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, bắt đầu khai ngày

25/01/2020 âm lịch (al) (dây số 2), dây hụi gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 14 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 25/01/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 25/02/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 25/3/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 685.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 665.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 6: Ngày 25/5/2020 (al) đóng 645.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 25/6/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 25/7/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 25/8/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 25/9/2020 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 25/10/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 25/11/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 25/12/2020 (al) đóng 680.000 đồng và Kỳ 14: Ngày 25/01/2021 (al) đóng 670.000 đồng. Tổng cộng là 9.405.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 25/01/2020 (al) (dây số 3), dây hụi gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã đóng được 14 kỳ với tổng số tiền 9.405.000 đồng, theo từng kỳ như dây hụi số 2 nêu trên.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 07/9/2020 (al) (dây số 1), dây hụi gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 05 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 07/9/2020 (al) đóng 720.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 07/10/2020 (al) đóng 630.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 07/11/2020 (al) đóng 630.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 07/12/2020 (al) đóng 665.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 07/01/2021 (al) đóng 700.000 đồng. Tổng cộng là 3.345.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng 03 dây hụi trên cho bà Rót số tiền 22.155.000 đồng, bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 22.155.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng là 2.574.000 đồng.

2. Bà HTKX trình bày: Bà tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 19/12/2019 (al), bà tham gia 02 dây (dây 06 và dây 07), mỗi dây hụi gồm 24 phần, bà tham gia mỗi dây 01 phần, bà đã đóng được 16 kỳ, cụ thể: Kỳ 1: Ngày 19/12/2019 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 19/01/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 19/02/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 19/3/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 1.370.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 1.330.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 7: Ngày 19/5/2020 (al) đóng 1.290.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 19/6/2020 (al) đóng 1.280.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 19/7/2020 (al) đóng 1.280.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 19/8/2020 (al) đóng 1.320.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 19/9/2020 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 19/10/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 19/11/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 14: Ngày 19/12/2020 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 15: Ngày 19/01/2021 (al) đóng 1.340.000 đồng, Kỳ 16: Ngày 19/02/2021 (al) đóng 1.280.000 đồng. Tổng cộng là 21.490.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng cho bà Rót số tiền 21.490.000 đồng, bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 21.490.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng 14 tháng số tiền 2.497.000 đồng.

3. Ông BVT trình bày: Ông tham gia 01 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 04/4/2020 (al) (tháng 4 sau), dây hụi gồm 29 phần, ông tham gia 01 phần, ông đóng được 12 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 04/4/2020 (al) đóng 1.560.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 04/5/2020 (al) đóng 1.500.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 04/6/2020 (al) đóng 1.460.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 04/7/2020 (al) đóng 1.450.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 04/8/2020 (al) đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 04/9/2020 (al) đóng 1.410.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 04/10/2020 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 04/11/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 04/12/2020 (al) đóng 1.230.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 04/01/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 04/2/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 04/3/2021 (al) đóng 1.200.000 đồng. Tổng số tiền là 16.550.000 đồng.

Tổng cộng ông đóng cho bà Rót số tiền 16.550.000 đồng, ông yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 16.550.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng 14 tháng số tiền 1.923.000 đồng.

4. Bà HTĐ trình bày: Bà tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 19/12/2019 (al) (dây 03), dây hụi gồm 24 phần, bà 01 phần, bà đã đóng được 16 kỳ, cụ thể: Kỳ 1: Ngày 19/12/2019 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 19/01/2020 (al) đóng 7.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 19/02/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 19/3/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 685.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 665.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 7: Ngày 19/5/2020 (al) đóng 645.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 19/6/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 19/7/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 19/8/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 19/9/2020 đóng 680.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 19/10/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 19/11/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 14: Ngày 19/12/2021 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 15: Ngày 19/01/2021 (al) đóng 670.000 đồng, Kỳ 16: Ngày 19/02/2021 (al) đóng 640.000 đồng. Tổng cộng là 10.745.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 04/4/2020 (al), dây hụi gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng được 12 kỳ hụi nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, khi bẻ hụi bà Rót có tính cho bà tổng số tiền đã đóng là 29.800.000 đồng và cần trừ tiền hụi chết của 02 dây hụi khác nên còn số tiền 11.800.000 đồng, bà Rót có viết biên nhận.

Bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 10.745.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng số tiền 1.249.000 đồng và 11.800.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng.

5. Bà NTĐ trình bày: Bà tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 04/4/2020 (al) (tháng 4 sau), dây hụi gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 12 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 04/4/2020 (al) đóng 1.560.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 04/5/2020 (al) đóng 1.500.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 04/6/2020 (al) đóng 1.460.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 04/7/2020 (al) đóng 1.450.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 04/8/2020 (al) đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 04/9/2020 (al) đóng

1.410.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 04/10/2020 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 04/11/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 04/12/2020 (al) đóng 1.230.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 04/01/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 04/2/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 04/3/2021 (al) đóng 1.200.000 đồng. Tổng số tiền là 16.550.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 07/9/2020 al (dây 1), dây hụi gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã đóng được 07 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 07/9/2020 (al) đóng 730.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 07/10/2020 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 07/11/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 07/12/2020 (al) đóng 750.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 07/01/2021 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 07/02/2021 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 07/3/2021 (al) đóng 650.000 đồng. Tổng cộng là 4.870.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng 02 dây hụi trên cho bà Rót số tiền 21.420.000 đồng, bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 21.420.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng là 2.489.000 đồng.

6. Ông NTT trình bày: Ông tham gia 07 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 19/12/2019 (al) ông tham gia 02 dây (dây 06 và dây 07), mỗi dây hụi gồm 24 phần, ông tham gia mỗi dây 01 phần, ông đã đóng được 16 kỳ, cụ thể: Kỳ 1: Ngày 19/12/2019 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 19/01/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 19/02/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 19/3/2020 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 1.370.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 19/4/2020 (al) đóng 1.330.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 7: Ngày 19/5/2020 (al) đóng 1.290.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 19/6/2020 (al) đóng 1.280.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 19/7/2020 (al) đóng 1.280.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 19/8/2020 (al) đóng 1.320.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 19/9/2020 đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 19/10/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 19/11/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 14: Ngày 19/12/2021 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 15: Ngày 19/01/2021 (al) đóng 1.340.000 đồng, Kỳ 16: Ngày 19/02/2020 (al) đóng 1.280.000 đồng. Tổng cộng là 21.490.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 04/4/2020 (al) (tháng 4 sau), dây hụi gồm 29 phần, ông tham gia 01 phần, ông đóng được 12 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 04/4/2020 (al) đóng 1.560.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 04/5/2020 (al) đóng 1.500.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 04/6/2020 (al) đóng 1.460.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 04/7/2020 (al) đóng 1.450.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 04/8/2020 (al) đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 04/9/2020 (al) đóng 1.410.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 04/10/2020 (al) đóng 1.360.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 04/11/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 04/12/2020 (al) đóng 1.230.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 04/01/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 04/2/2021 (al) đóng 1.300.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 04/3/2021 (al) đóng 1.200.000 đồng. Tổng số tiền là 16.550.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 02/5/2020 (al) ông tham gia 02 dây (dây 01 và dây 02), mỗi dây hụi gồm 28 phần, ông tham gia mỗi dây 01 phần, ông đã đóng được 11 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 02/5/2020 (al) đóng 1.380.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 02/6/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 02/7/2020 (al) đóng 1.600.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 02/8/2020 đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 02/9/2020 (al) đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 02/10/2020 (al) đóng 1.260.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 02/11/2020 (al) đóng 1.260.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 02/12/2020 đóng 1.330.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 02/01/2021 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 02/02/2021 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 02/3/2021 đóng 1.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 15.150.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 07/9/2020 al (dây 1), dây hụi gồm 29 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã đóng được 07 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 07/9/2020 (al) đóng 730.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 07/10/2020 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 07/11/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 07/12/2020 (al) đóng 750.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 07/01/2021 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 07/02/2021 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 07/3/2021 (al) đóng 650.000 đồng. Tổng cộng là 4.870.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 10/10/2020 (al) , dây hụi gồm 25 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã đóng được 05 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 10/10/2020 (al) đóng 740.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 10/11/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 10/12/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 10/01/2021 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 10/02/2020 (al) đóng 700.000 đồng. Tổng cộng là 3.540.000 đồng.

Tổng cộng ông đóng cho bà Rớt số tiền 61.600.000 đồng, ông yêu cầu bà Rớt và ông Thiện liên đới trả số tiền 61.600.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng số tiền 7.158.000 đồng.

7. Bà LTĐ trình bày: Bà tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 02/5/2020 (al) bà tham gia 02 dây (dây 01 và dây 02), mỗi dây hụi gồm 28 phần, bà tham gia mỗi dây 01 phần, bà đã đóng được 11 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 02/5/2020 (al) đóng 1.380.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 02/6/2020 (al) đóng 1.340.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 02/7/2020 (al) đóng 1.600.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 02/8/2020 đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 02/9/2020 (al) đóng 1.440.000 đồng; Kỳ 6: Ngày 02/10/2020 (al) đóng 1.260.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 02/11/2020 (al) đóng 1.260.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 02/12/2020 đóng 1.330.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 02/01/2021 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 02/02/2021 (al) đóng 1.400.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 02/3/2021(al) đóng 1.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 15.150.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng cho bà Rớt số tiền 15.150.000 đồng, bà yêu cầu bà Rớt và ông Thiện liên đới trả số tiền 15.150.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng 14 tháng số tiền 1.760.000 đồng.

8. Bà HTP trình bày: Bà tham gia 01 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 25/01/2020 (al) (dây số 3), dây hụi gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 14 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 25/01/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 25/02/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 25/3/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 685.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 665.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 6: Ngày 25/5/2020 (al) đóng 645.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 25/6/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 25/7/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 25/8/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 25/9/2020 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 25/10/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 25/11/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 25/12/2020 (al) đóng 680.000 đồng và Kỳ 14: Ngày 25/01/2021 (al) đóng 670.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng cho bà Rót số tiền 9.405.000 đồng, bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện liên đới trả số tiền 9.405.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng số tiền 1.093.000 đồng.

9. Bà PTL trình bày: Bà tham gia 01 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, bắt đầu khui ngày 25/01/2020 (al) (dây số 3), dây hụi gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 14 kỳ hụi như sau: Kỳ 1: Ngày 25/01/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 2: Ngày 25/02/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 3: Ngày 25/3/2020 (al) đóng 700.000 đồng; Kỳ 4: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 685.000 đồng; Kỳ 5: Ngày 25/4/2020 (al) đóng 665.000 đồng (do có 02 tháng 4); Kỳ 6: Ngày 25/5/2020 (al) đóng 645.000 đồng; Kỳ 7: Ngày 25/6/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 8: Ngày 25/7/2020 (al) đóng 640.000 đồng; Kỳ 9: Ngày 25/8/2020 (al) đóng 660.000 đồng; Kỳ 10: Ngày 25/9/2020 (al) đóng 680.000 đồng; Kỳ 11: Ngày 25/10/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 12: Ngày 25/11/2020 (al) đóng 670.000 đồng; Kỳ 13: Ngày 25/12/2020 (al) đóng 680.000 đồng và Kỳ 14: Ngày 25/01/2021 (al) đóng 670.000 đồng.

Tổng cộng bà đóng cho bà Rót số tiền 9.405.000 đồng, bà yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả số tiền 9.405.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng với 14 tháng số tiền 1.093.000 đồng.

Bị đơn bà TTR không thể hiện ý kiến.

Người đại diện theo ủy quyền của bà TTR trình bày tại bản tự khai ngày 08/6/2022: Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ, tài liệu chứng cứ có trong vụ án, cùng với những lời trình bày của bà Rót với ông, ông xin đại diện bà Rót trình bày ý kiến như sau: Theo đó, bà Rót không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà TTD, HTKX, ông BVT, bà NTĐ, bà HTĐ, ông NTT, bà LTĐ, bà HTP và bà PTL đưa ra.

Thứ nhất, bà Rót trình bày rằng không tham gia chơi hụi bất kỳ dây hụi nào đối với toàn bộ 09 người nêu trên và những người nêu trên cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà Rót có quan hệ chơi hụi đứng vai trò là chủ hụi. Thậm chí, những danh sách hụi mà những người đó

đưa ra cũng không có bất kỳ chữ ký, xác nhận của bà Rót về việc đứng vai trò chủ hụi đối với những người khởi kiện nêu trên. Tóm lại, bà Rót khẳng định không tham gia chơi hụi với vai trò chủ hụi đối với các nguyên đơn.

Thứ hai, bà Rót không đồng ý việc các nguyên đơn yêu cầu chồng bà Rót là ông Nguyễn Văn Thiện liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của 09 người nêu trên vì ông Thiện không biết và cũng không liên quan gì đến sự việc này.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bà Rót và ông Thiện.

Bị đơn ông NVT trình bày tại bản tự khai ngày 13/5/2022: Vừa qua, ông có nhận được giấy triệu tập của Tòa án với tư cách là bị đơn. Nay ông xin trình bày quan điểm của ông với nội dung vụ án như sau: Ông và bà TTR là vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh L. Khoảng đầu năm 2021, bà Rót có chơi hụi với một số người và chơi nhiều dây hụi. Việc bà Rót chơi hụi, chơi hụi với những ai, chơi bao nhiêu dây hụi, đã thu của hụi viên bao nhiêu tiền ông hoàn toàn không biết. Bà Rót chưa bao giờ nói với ông về việc kiếm được bao nhiêu tiền từ việc chơi hụi. Ông không biết bà Rót đã dùng những số tiền kiếm được từ việc chơi hụi được tiêu vào những khoản nào. Nhưng ông có thể khẳng định toàn bộ chi tiêu thiết yếu liên quan đến hoạt động của gia đình đều do ông làm việc kiếm tiền để trang trải những khoản chi tiêu đó. Nay những người chơi hụi khởi kiện yêu cầu bà Rót trả lại số tiền hụi, đồng thời yêu cầu ông liên đới với bà Rót để cùng nhau trả số tiền chơi hụi. Đối với yêu cầu này ông hoàn toàn không đồng ý. Bởi lẽ: Việc bà Rót chơi hụi ông hoàn toàn không biết. Số tiền bà Rót kiếm được từ việc chơi hụi không được bà Rót dùng vào những khoản chi tiêu thiết yếu dành cho gia đình. Khoản tiền bà Rót dùng để chơi hụi là khoản tiền riêng của một mình bà Rót, ông không có bất kỳ liên quan nào. Không phải là tài sản chung của vợ chồng ông. Do đó việc những người khởi kiện yêu cầu ông liên đới với bà Rót để cùng nhau trả tiền là không chính xác. Việc bà Rót chơi hụi thì bà Rót phải có trách nhiệm tự mình trả tiền, ông không có liên quan và ông cũng không cùng với bà Rót để trả những khoản tiền hụi đó. Đồng thời đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông liên đới với bà Rót để trả tiền hụi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VH đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà TTD, HTKX, ông BVT, bà NTD bà HTD, ông NTT, bà LTD, bà HTP và bà PTL về việc tranh chấp hụi với bà TTR và ông NVT.

- 1.1. Buộc bà TTR và ông NTT liên đới trả cho bà TTD số tiền 24.729.000 đồng.
 - 1.2. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà HTKX 23.987.000 đồng.
 - 1.3. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho ông BVT số tiền 18.473.000 đồng.
 - 1.4. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà HTĐ số tiền 23.794.000 đồng.
 - 1.5. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà NTĐ số tiền 23.909.000 đồng.
 - 1.6. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho ông NTT số tiền 68.758.000 đồng.
 - 1.7. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà LTĐ số tiền 16.910.000 đồng.
 - 1.8. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà HTP số tiền 10.498.000 đồng.
 - 1.9. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà PTL số tiền 10.498.000 đồng.
 - 1.10. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.
2. Về án phí:
 - 2.1. Bà TTR và ông NVT phải nộp 11.085.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.
 - 2.2. Hoàn lại cho bà TTD 825.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002972.
 - 2.3. Hoàn lại cho bà HTKX 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002971.
 - 2.4. Hoàn lại cho ông Bùi Văn Tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002969.
 - 2.5. Hoàn lại cho bà HTĐ 1.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002970.
 - 2.6. Hoàn lại cho bà NTĐ 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002968.

2.7. Hoàn lại cho ông NTT 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002973.

2.8. Hoàn lại cho bà PTL 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 18/6/2021 theo biên lai thu số 0002979.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 18/7/2022 và ngày 19/7/2022 bà TTR và ông NVT kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà TTR rút yêu cầu kháng cáo đối với bà TTD, ông BVT, bà HTĐ, ông NTT, bà LTĐ, bà HTP và bà PTL, giữ nguyên kháng cáo đối với bà HTKX và bà ntđ; ông nvt không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Bà htkx thống nhất cản trừ số tiền hụi chết bà còn nợ bà Rót, số tiền hụi bà Rót còn nợ bà là 13.490.000 đồng, yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải có nghĩa vụ trả lại tiền hụi 13.490.000 đồng và tiền lãi 14 tháng với lãi suất 0,83% như ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Các nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Thiện.

Bị đơn bà TTR trình bày: Bà HTKX yêu cầu bà phải trả tiền hụi 21.490.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý, vì bà Xuân còn nợ bà tiền hụi chết. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất cản trừ số tiền hụi chết bà Xuân còn nợ là 8.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà Xuân 13.490.000 đồng và tiền lãi. Đối với yêu cầu của bà NTĐ, bà thừa nhận bà Đèo có tham gia 2 dây hụi như bà Đèo trình bày. Bà Đèo yêu cầu bà phải trả tiền hụi 21.420.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý, bởi vì bà Đèo có tham gia nhiều dây hụi, sau khi hốt hụi bà Đèo còn nợ bà tiền hụi chết 86.000.000 đồng, cản trừ tiền hụi chết bà Đèo chưa đóng thì bà Đèo còn phải trả lại cho bà số tiền 45.860.000 đồng. Bà yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Đèo phải trả cho bà số tiền hụi 45.860.000 đồng.

Ông NVT trình bày: Ông biết bà Rót có tổ chức chơi hụi với nhiều người từ năm 2021. Việc bà Rót chơi hụi, chơi hụi với những ai, chơi bao nhiêu dây hụi, thu bao nhiêu tiền hụi của các hụi viên ông hoàn toàn không biết, toàn bộ chi tiêu thiết yếu của gia đình đều do ông làm việc kiếm tiền để trang trải, số tiền bà Rót chơi hụi không đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Rót trả lại số tiền hụi, đồng thời yêu cầu ông liên đới với bà Rót để cùng nhau trả số tiền hụi ông không đồng ý, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà TTR Luật sư NTTh trình bày:

Đối với yêu cầu của bà HTKX: Tại phiên tòa bà Xuân và bà Rót thống nhất số tiền hụi bà Rót còn nợ là 13.490.000 đồng, bà Rót đồng ý trả cho bà Xuân 13.490.000 đồng và tiền lãi nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm đối với số tiền bà Rót phải trả cho bà Xuân.

Đối với yêu cầu của bà NTĐ: Bà Đèo yêu cầu bà Rót phải trả tiền hụi 21.420.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý, bởi vì bà Đèo có tham gia nhiều dây hụi, sau khi hốt hụi bà Đèo còn nợ bà Rót tiền hụi chết 86.000.000 đồng, cản trừ tiền hụi chết bà Đèo chưa đóng thì bà Đèo còn phải trả lại cho bà Rót số tiền 45.860.000 đồng, đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Đèo phải trả cho bà Rót tiền hụi chết 45.860.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Rót và ông Thiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Rót và ông Thiện:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà TTR tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo đối với bà Diễm, ông Tiên, bà Đào, ông Tâm, bà Đạm, bà Phượng, bà Lâu, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của bà Rót.

- Bà TTR kháng cáo chỉ đồng ý trả bà Xuân 13.490.000 đồng và tiền lãi và tại phiên tòa phúc thẩm bà Xuân cũng đồng ý nên kháng cáo của bà Rót là có căn cứ.

- Bà TTR kháng cáo không đồng ý trả bà Đèo 21.420.000 đồng và tiền lãi với lý do bà Đèo còn nợ bà Rót số tiền 50.500.000 đồng nên khi cản trừ thì bà Đèo còn nợ lại bà Rót. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà Đèo vắng mặt và tại cấp sơ thẩm bà Rót chưa có yêu cầu bà Đèo trả tiền bà Rót nên bà Rót yêu cầu cản trừ tiền nợ giữa bà Rót và bà Đèo là không có căn cứ để chấp nhận

- Ông NVT kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ hụi với bà Rót do ông không biết bà Rót chơi bao nhiêu dây hụi và được bao nhiêu tiền cũng như kinh tế gia đình không phụ thuộc vào tiền từ bà Rót làm chủ hụi. Xét thấy, giữa bà Rót và ông Thiện là vợ chồng hợp pháp từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện C tỉnh L. Thời điểm bà Rót làm thảo hụi cho đến khi bà Rót ngưng khai hụi và bỏ địa phương đi thì giữa bà Rót và ông Thiện vẫn còn sinh hoạt chung với nhau. Ông Thiện cũng trình bày tại bản tự khai ngày 01/5/2022 ông có biết bà Rót chơi hụi với một số người và chơi nhiều dây vào đầu năm 2021 nên Tòa án sơ thẩm chấp buộc ông Thiện liên đới cùng bà Rót trả nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà TTR đối với bà Diễm, ông Tiên, bà Đào, ông Tâm, bà Đạm, bà Phượng, bà Lâu. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà

Tôn Thị Rót. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thiện. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà TTR và ông NVT thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các nguyên đơn: Bà TTD, Nguyễn Thị Đào là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Xét kháng cáo của bà TTR:

[3.1] Tại phiên tòa bà TTR rút yêu cầu kháng cáo đối với bà TTD, ông Bùi Văn Tiền, bà HTĐ, ông NTT, bà LTĐ, bà HTP và bà PTL. Căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo bà Rót đã rút.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà TTR đối với bà HTKX: Tại phiên tòa hai bên thống nhất cần trừ số tiền hui chết bà Xuân còn nợ bà Rót là 8.000.000 đồng, bà Rót còn nợ bà Xuân tiền hui 13.490.000 đồng và đồng ý trả cho bà Xuân 13.490.000 đồng và tiền lãi 14 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền lãi là 1.567.538 đồng, tổng cộng 15.057.538 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Rót đối với bà Xuân, bà Rót phải có nghĩa vụ trả cho bà Xuân số tiền 15.057.538 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà TTR đối với bà NTĐ: Bà Rót thừa nhận bà Đào có tham gia 2 dây hui như bà Đào trình bày. Bà Đào yêu cầu bà Rót phải trả tiền hui 21.420.000 đồng và tiền lãi thì bà Rót không đồng ý, bởi vì bà Đào có tham gia nhiều dây hui, sau khi hót hui bà Đào còn nợ bà Rót tiền hui chết 86.000.000 đồng, cần trừ tiền hui chết bà Đào chưa đóng thì bà Đào còn phải trả lại cho bà số tiền 45.860.000 đồng. Thấy rằng, đối với số tiền hui chết của bà Đào, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà Rót vắng mặt không tham gia tố tụng và không có đơn yêu cầu bà Đào trả số tiền 45.860.000 đồng chết nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp bà Rót có đơn khởi kiện về số tiền hui chết bà Đào còn nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Rót đối với bà Đào.

[4] Xét kháng cáo của ông NVT:

Ông Thiện kháng cáo cho rằng ông không biết, không tham gia tổ chức chơi hui cùng với bà Rót. Toàn bộ số tiền bà Rót có được từ việc chơi hui là tiền của bà Rót, là tài sản riêng của cá nhân. Bà Rót tổ chức tổ chức chơi hui với ai ông Thiện hoàn toàn không biết, số tiền hui bà Rót không dùng phục vụ chi tiêu thiết yếu cho gia đình mà cho tiêu cá nhân nên không đồng ý liên đới trả nợ cho các hui viên.

Thấy rằng, bà Rót và ông Thiện là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An từ năm 2006, trong thời gian bà Rót tổ chức chơi hội vợ chồng vẫn sống chung và cùng làm kinh tế cho đến khi bà Rót ngừng hội và bỏ địa phương đi. Ông Thiện biết việc bà Rót tổ chức chơi hội với nhiều người, nhiều dây hội từ đầu năm 2021, ông Thiện cho rằng ông hoàn toàn không biết việc bà Rót tổ chức chơi hội, số tiền hội bà Rót không dùng phục vụ chi tiêu thiết yếu cho gia đình mà cho tiêu cá nhân nhưng ông Thiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, ông Thiện không đồng ý liên đới cùng bà Rót trả nợ là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn buộc ông Thiện có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Tôn Thị Rót có phần phù hợp nên chấp nhận một phần, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thiện không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Rót và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thiện là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Luật sư có phần phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà TTR và ông NVT phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho các nguyên đơn (211.356.538 đồng x 5% = 10.568.000 đồng).

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Tôn Thị Rót được chấp nhận một phần nên bà Rót không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Thiện phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 289, 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà TTR

Không chấp nhận kháng cáo của ông NVT.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà TTR đối với bà TTD, ông BVT, bà HTD, ông NTT, bà LTD, bà HTP và bà PTL.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số:16/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 471 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của

Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà TTD, HTKX, ông BVT, bà NTĐ, bà HTĐ, ông NTT, bà LTĐ, bà HTP và bà PTL về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà TTR và ông NVT.

1.1. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà TTD số tiền 24.729.000 đồng.

1.2. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà HTKX 15.057.538 đồng.

1.3. Buộc bà TTR và ông NCT liên đới trả cho ông BVT số tiền 18.473.000 đồng.

1.4. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà HTĐ số tiền 23.794.000 đồng.

1.5. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà NTĐ số tiền 23.909.000 đồng.

1.6. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho ông NTT số tiền 68.758.000 đồng.

1.7. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà LTĐ số tiền 16.910.000 đồng.

1.8. Buộc bà TLR và ông NVT liên đới trả cho bà Hồ Thị Phương số tiền 10.498.000 đồng.

1.9. Buộc bà TTR và ông NVT liên đới trả cho bà Phan Thị Lâu số tiền 10.498.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà TTR và ông NVT phải liên đới nộp 10.568.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Hoàn lại cho bà TTD 825.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002972.

3.3. Hoàn lại cho bà HTKX 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002971.

3.4. Hoàn lại cho ông BVT 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002969.

3.5. Hoàn lại cho bà HDTC 1.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002970.

3.6. Hoàn lại cho bà NTD 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002968.

3.7. Hoàn lại cho ông NTT 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 15/6/2021 theo biên lai thu số 0002973.

3.8. Hoàn lại cho bà PTL 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 18/6/2021 theo biên lai thu số 0002979.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà TTR không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Tôn Thị Rớt số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003738 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Long An.

Ông NVT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003739 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh L

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.H;
- VKSND tỉnh L;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NTMH

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cảnh Đặng
Văn Nhữ**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh